

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2022/HS-ST

Ngày 14 - 02 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoàng Nga

Ông Đặng Ngọc Thập

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoàng Sa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Phan Duy Công - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2021/TLST-HS ngày 24/12/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HS ngày 24/01/2022, đối với bị cáo: **Nguyễn Đình H**, sinh ngày 08 tháng 10 năm 1987 tại huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn LĐ, xã Quế Lộc, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình K (chết) và bà Hồ Thị Hồng Đ, sinh năm 1958; bị cáo có vợ là Trần Thị N (đã ly hôn) và có 03 con. Tiền án: Không; tiền sự: Ngày 29/9/2021, bị cáo bị Công an thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 đồng về hành vi dùng thủ đoạn hoặc tạo ra hoàn cảnh để buộc người khác đưa tiền, bị cáo chưa thi hành Quyết định; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 01/11/2021, tạm giam ngày 03/11/2021, hiện đang bị tạm giam; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Hồ Y B, sinh năm 1980;

2. Bà Giang Thị Liễu H, sinh năm 1979;

Cùng có địa chỉ: Thôn LĐ, xã Quế Lộc, huyện Nông Sơn, Quảng Nam. Ông B, bà H đều có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Thị L, sinh năm 1988; trú tại: Thôn LĐ, xã Quế Lộc, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T; trú tại: Thôn TP, xã Quế Lộc, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Trần Phước Nhật T; trú tại: Số 34, đường Trung Nữ Vương, thị trấn Đông Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

1. Người làm chứng: Ông Trương Công Đ, sinh năm 1966; trú tại: Xóm 4, thôn TP, xã Quế Lộc, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

2. Người chứng kiến: Lê Châu H, sinh năm 1997; trú tại: Thôn Lộc Trung, xã Quế Lộc, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở Đơn báo cáo mất tài sản vào ngày 01/11/2021 của ông Hồ Y B về việc vào ngày 01/11/2021, gia đình ông B bị mất một con heo đất màu xanh dương, bên trong chứa khoảng 8.000.000 đồng tiền tiết kiệm, ngày 01/11/2021, Công an huyện Nông Sơn phối hợp với công an xã Quế Lộc tiến hành xác minh, thu thập lời khai, khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra vụ án. Chiều tối cùng ngày, Công an huyện Nông Sơn tiến hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Lệnh khám xét khẩn cấp, tạm giữ người và tiến hành lấy lời khai đối với bị cáo Nguyễn Đình H. Quá trình làm việc với cơ quan điều tra, Nguyễn Đình H khai: Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 01/11/2021, Nguyễn Đình H đi bộ từ nhà mình đến nhà ông Võ Văn Anh (trú cùng thôn) với mục đích để mượn tiền nhưng không được nên quay về theo đường cũ. Trên đường đi về, H đi ngang qua nhà ông Hồ Y B và bà Giang Thị Liễu H thì thấy nhà ông B đóng cửa, không có ai ở nhà nên H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. H bèn lấy một khẩu trang và một bao tay có sẵn trong người để đeo vào nhằm tránh bị phát hiện, sau đó đi đến cửa nhà bếp của ông B thì thấy cửa đóng nên H tìm và nhặt được một thanh sắt để cạy cửa nhưng không được. H dùng tay đưa vào khe hở phía dưới cửa giật mạnh thì cửa bung ra. H đi vào trong nhà theo hướng từ sau ra trước; khi ngang qua phòng ngủ thứ hai thì phát hiện có một bưng bình bằng đất nung hình dạng con heo đất đặt trên giá đựng sách vở, H cầm lên rung thì nghe tiếng sột soạt nên biết bên trong có tiền. H cầm con heo đất ra khỏi nhà theo lối cũ, khi đến góc vườn nhà ông B thì H đập mạnh con heo đất xuống đất, lấy toàn bộ số tiền có bên trong rồi bỏ vào túi áo khoát, H không kiểm đếm số tiền trộm được, sau đó H về nhà. H sử dụng số tiền trộm được để trả nợ và cuộc điện thoại đã cầm cố trước đó. Cụ thể:

- H trả cho bà Trương Thị L một tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng;

- H trả cho bà Nguyễn Thị T 450.000 đồng. H đưa bà T một tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và được bà T trả lại một tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng;

- H trả cho ông Trần Phước Nhật T, là chủ tiệm cầm đồ Tiên Thanh số tiền 1.550.000 đồng, H đưa 03 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và được ông T đưa lại 150.000 đồng.

Số tiền còn lại H cất giấu trong người là 4.340.000 đồng. Gồm 06 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; 08 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng; 02 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng. Trong số tiền đó, H khai bản thân H có 40.000 đồng.

Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Nông Sơn thu giữ toàn bộ số tiền trên người của Nguyễn Đình H; thu giữ số tiền mà bị cáo H trả nợ và tiền chuộc điện thoại do bà Trương Thị L, bà Nguyễn Thị T và ông Trần Phước Nhật T tự nguyện giao nộp. Tổng số tiền thu giữ là 6.840.000 đồng.

Ngoài ra cơ quan cảnh sát điều tra còn thu giữ các vật chứng: Một số mảnh vỡ của “con heo đất”; một bao tay bằng vải màu đen, kích thước 20.5cm x 13cm; một chiếc áo khoác dài tay màu nâu; một khẩu trang y tế màu trắng có viền màu xanh; một điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng có ốp lưng bằng nhựa màu đà, bên trong có 01 Sim điện thoại Viettel số 0981 459 011.

Tại Bản kết luận định giá số 26/KL-ĐGTS ngày 09/12/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Nông Sơn xác định giá trị của búng bình bằng đất nung có hình dạng con heo đất là 30.000 đồng. Do giá trị tài sản thấp nên cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Nông Sơn không xem xét, xử lý H về tội “hủy hoại tài sản”; ông Hồ Y B và bà Giang Thị Liễu H không yêu cầu H bồi thường thiệt hại về giá trị của con heo đất.

Tại Cáo trạng số 04/CT - VKSNS ngày 23/12/2021, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Đình H tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Qua tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H mức hình phạt tù 06 tháng tù đến 09 tháng tù. Về dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc Nguyễn Đình H trả lại cho bà Trương Thị L số tiền 500.000 đồng; trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 450.000 đồng và trả cho ông Trần Phước Nhật T số tiền 1.550.000 đồng; trả cho ông Hồ Y B số tiền 6.800.000 đồng. Đối với các vật chứng khác, Kiểm sát viên đề nghị: Tịch thu tiêu hủy một số mảnh vỡ của “con heo đất”; một bao tay bằng vải màu đen, kích thước 20.5cm x 13cm; một chiếc áo khoác dài tay màu nâu; một khẩu trang y tế màu trắng có viền màu xanh; tiếp tục tạm giữ một điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng có ốp lưng bằng nhựa màu đà, bên trong có 01 Sim điện thoại Viettel số 0981 459 011 và số tiền 40.000 đồng của Nguyễn Đình H để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trộm cắp

tài sản của mình; thống nhất với nội dung Cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện Kiểm sát; bị cáo không có ý kiến bào chữa, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo; các vấn đề về dân sự, xử lý vật chứng bị cáo đề nghị xem xét, giải quyết theo pháp luật.

Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại hành vi, Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án.

Người bị hại Hồ Y B, Giang Thị Liễu H yêu cầu được nhận lại số tiền mà H đã trộm cắp của họ là 6.800.000 đồng; không yêu cầu H bồi thường giá trị con heo đất bị H đập vỡ khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và xin giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Quá trình điều tra, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị H trả lại số tiền mà H còn nợ họ. Cụ thể: Bà Trương Thị L yêu cầu H trả cho bà số tiền 500.000 đồng; bà Nguyễn Thị T yêu cầu H trả số tiền 450.000 đồng và ông Trần Phước Nhật T yêu cầu H trả 1.550.000 đồng. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc xét xử vắng mặt một số người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy việc vắng mặt của họ chỉ ảnh hưởng đến việc xem xét yêu cầu về dân sự, không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan và xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự tách việc xem xét về trách nhiệm dân sự để xử lý sau theo thủ tục tố tụng dân sự, nếu có yêu cầu và quyết định xét xử vắng mặt họ trong vụ án này.

[1.2] Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình điều tra, truy tố: Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác trình bày họ không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố vụ án là đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

[2] Về Nội dung vụ án:

[2.1] Xét lời khai của bị cáo Nguyễn Đình H thì thấy:

Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa là thống nhất, không có mâu thuẫn; lời khai đó phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với những tài liệu, chứng cứ được thu thập, có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đình H thống nhất nội

dụng truy tố của Cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn; thừa nhận và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 01/11/2021, lợi dụng sự vắng nhà của chủ sở hữu tài sản là ông Hồ Y B và bà Giang Thị Liễu H, bị cáo Nguyễn Đình H đã lén lút đột nhập vào nhà ông B và lấy trộm một bình bằng đất nung có hình dạng con heo đất, bên trong có số tiền đã được xem xét, kiểm tra, xác định và bị cáo thừa nhận là 6.800.000 đồng. Hành vi đó của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn truy tố về hành vi phạm tội của bị cáo là có cơ sở, đúng pháp luật.

[2.2] Xét về lỗi của bị cáo và số tiền là đối tượng phạm tội trong vụ án thì thấy:

Bị cáo H khi đi ngang qua nhà ông Hồ Y B và bà Giang Thị Liễu H thì thấy họ vắng nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản; bị cáo không xác định trước việc trộm cắp tài sản gì. Thực tế, bị cáo đã lén lút, đột nhập và thực hiện xong hành vi phạm tội trộm cắp tài sản là số tiền bên trong con heo đất của ông B và bà H. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý gián tiếp. Về số tiền là đối tượng phạm tội trong vụ án, bị hại khai họ có sử dụng con heo đất để cất trữ tiền và số tiền họ bỏ vào trong con heo đất là những tờ tiền có mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng và 100.000 đồng; bị hại không xác định được thời điểm bắt đầu bỏ tiền, số lần bỏ tiền, số tiền bỏ vào trong từng lần và thời điểm kết thúc việc bỏ tiền vào con heo đất. Quá trình điều tra, từ lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các biên bản, tài liệu, vật chứng được thu thập, thu giữ, có căn cứ thực tế xác định số tiền có bên trong con heo đất là 6.800.000 đồng. Và với việc thực hiện tội phạm với lỗi cố ý gián tiếp, bị cáo Nguyễn Đình H phải chịu trách nhiệm hình sự với toàn bộ hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra trên thực tế, ở đây là số tiền đã trộm cắp là 6.800.000 đồng.

[2.3] Xét tính chất, mức độ, tính nguy hiểm của hành vi phạm tội thì thấy:

Bị cáo Nguyễn Đình H thực hiện hành vi phạm tội khi đã đủ tuổi thành niên. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; có đủ nhận thức để làm chủ hành vi của mình. Bị cáo có đủ nhận thức để biết rằng quyền sở hữu tài sản của cá nhân, tổ chức được pháp luật thừa nhận và bảo vệ nhưng do lười lao động nên bị cáo bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với mong muốn có được tài sản để sử dụng, tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nên cần xem xét, xử lý nghiêm đối với bị cáo.

[2.4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

- Các tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Các tình tiết giảm nhẹ:

Ngoài lần phạm tội này, bị cáo Nguyễn Đình H chưa có lần phạm tội nào khác.

Hành vi phạm tội của bị cáo tuy trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác nhưng gây nguy hại lớn không lớn cho xã hội; tài sản trộm cắp có giá trị không lớn và ngay sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã khai nhận và số tiền trộm cắp được thu hồi, bảo quản để xem xét trả lại cho bị hại; thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra không đáng kể. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đình H thần khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có ý kiến đề nghị xem xét, giảm mức hình phạt đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[2.5] Xét nhân thân và các đặc điểm về lý lịch của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Đình H có nhân thân không tốt. Trước lần phạm tội này, ngày 29/9/2021, bị cáo đã bị Công an thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.000.000 đồng về hành vi dùng thủ đoạn hoặc tạo ra hoàn cảnh để buộc người khác đưa tiền. Đây là hành vi vi phạm pháp luật có tính chất chiếm đoạt tài sản của người khác.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, tính nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện; các đặc điểm về nhân thân và lý lịch của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người tốt; ngăn chặn, phòng ngừa bị cáo tiếp tục phạm tội; đồng thời, góp phần ngăn chặn các hành vi phạm tội tương tự, gìn giữ an ninh, trật tự an toàn xã hội và đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương. Tuy nhiên, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên cần xem xét, giảm một phần mức hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[2.5] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Đối với vật chứng là số tiền mà bị cáo trộm cắp: Quá trình điều tra cơ quan điều tra thu giữ trên người bị cáo 4.340.000 đồng; bà Trương Thị L, bà Nguyễn Thị T và ông Trần Phước Nhật T tự nguyện giao nộp tổng số tiền là 2.500.000 đồng. Xét thấy đây là số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại nên cần xem xét, trả lại toàn bộ số tiền này cho bị hại là ông Hồ Y B và bà Giang Thị Liễu H. Riêng đối với số tiền 40.000 đồng được xác định là tiền của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với vật chứng là một số mảnh vỡ của “con heo đất”; một bao tay bằng vải màu đen, kích thước 20.5cm x 13cm; một chiếc áo khoác dài tay màu nâu; một khẩu trang y tế màu trắng có viền màu xanh, đây là các công cụ, phương tiện bị cáo dùng để phạm tội, che giấu hành vi phạm tội và không còn giá trị nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với vật chứng là điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng có ốp lưng bằng nhựa màu đà, bên trong có 01 Sim điện thoại Viettel số 0981 459 011. Quá trình điều

tra và tại phiên tòa không có căn cứ xác định điện thoại này được bị cáo dùng vào việc phạm tội hay có liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo; tại thời điểm bị cáo phạm tội, điện thoại này đang là tài sản bảo đảm cho một giao dịch cầm cố tài sản giữa bị cáo và Cửa hàng Tiến Thanh, do ông Trần Phước Nhật T làm chủ, và ông T đang là người quản lý, chiếm hữu có căn cứ pháp luật, ngay tình đối với tài sản cầm cố đó; tại phiên tòa, ông T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày, không thể thỏa thuận được về dân sự giữa bị cáo và ông T nên cần trả lại điện thoại cho ông T để tiếp tục thực hiện giao dịch bảo đảm. Trường hợp có tranh chấp liên quan đến giao dịch cầm cố tài sản thì xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật về dân sự.

[2.6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu giải quyết vấn đề bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với các yêu cầu của bà Trương Thị L, bà Nguyễn Thị T về việc buộc bị cáo H trả lại cho họ số tiền còn thiếu trước đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không thể thỏa thuận được với bị cáo về nghĩa vụ dân sự phát sinh từ các giao dịch đó; mặt khác, đây là các giao dịch dân sự độc lập, không liên quan đến việc giải quyết vụ án nên cần tách ra, không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp có tranh chấp về nghĩa vụ dân sự giữa bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì được xem xét, giải quyết bằng vụ án riêng theo quy định pháp luật về dân sự, nếu có yêu cầu.

[2.7] Các vấn đề khác: Không có.

[2.8] Về án phí, bị cáo Nguyễn Đình H chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình H đã phạm tội “trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Áp dụng các Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 260, 292, 326, 329 và 333 của Bộ Luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H hình phạt tù, mức hình phạt là 06 (sáu) tháng; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 01/11/2021).

Tuyên tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng

hình sự năm 2015.

- Tịch thu, tiêu hủy: Một số mảnh vỡ của “con heo đất”; một bao tay bằng vải màu đen, kích thước 20.5cm x 13cm; một chiếc áo khoác dài tay màu nâu; một khẩu trang y tế màu trắng có viền màu xanh.

- Trả lại cho ông Hồ Y B, bà Giang Thị Liễu H số tiền 6.800.000 đồng; trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình H số tiền 40.000 đồng, theo Ủy nhiệm chi lập ngày 24/12/2021. Trả lại cho ông Trần Phước Nhật T một điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng có ốp lưng bằng nhựa màu đà, bên trong có 01 Sim điện thoại Viettel số 0981 459 011 để tiếp tục thực hiện giao dịch bảo đảm cầm cố tài sản với bị cáo.

Các vật chứng trên hiện đang được quản lý, bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu tài sản là vật chứng của vụ án thì được xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật về dân sự, tố tụng dân sự, nếu có yêu cầu.

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Đình H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Viện KSND tỉnh Quảng Nam;
- Viện KSND huyện Nông Sơn;
- CQĐT Công an huyện Nông Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an Nông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nông Sơn;
- Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Phúc

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân

dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xóa. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy

đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)